

**TAND TP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---*---

-----***-----

Bản án số: 103/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
Chia tài sản chung, nợ chung ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi.
2. Bà Châu Thị Phương Hằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 573/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2019/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Bà Văn Thị T, sinh năm 1969. Có mặt**

***Bị đơn: Ông Trần Ngọc L, sinh năm: 1968. Vắng mặt.**

Cùng địa chỉ: Khu phố 04, phường PH, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :**

1/ Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 35, Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người được Ủy quyền Ông Lương Văn N – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam tại Bình Thuận. Địa chỉ trụ sở chi nhánh : Số 286A, Trần Hưng Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.(Theo quyết định ủy quyền số 88/QĐ-BIDV.BT ngày 16/10/2019 của Giám đốc Chi nhánh). *Vắng mặt.*

2/ Ông Bùi Văn T ; Sinh năm 1959 và bà Văn Thị B; Địa chỉ : Khu phố 05, phường Phú Hải , thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Văn Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Ngọc L tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tổ chức cưới vào năm 1988, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 359, quyển số 0I năm 1988 của UBND xã Phú Hải (nay là phường Phú Hải), thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; Ngay từ thời gian đầu sau khi chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã do ông Linh cờ bạc, không chăm lo kinh tế gia đình, bà góp ý khuyên ngăn thì ông dùng bạo lực đánh đập bà, vì con cái bà Thoa đã nhiều lần cố gắng chịu đựng để tiếp tục chung sống . Đến nay các con chung đều đã trưởng thành nhưng ông Linh vẫn không thay đổi. Do vậy bà xác định hôn nhân của bà với ông Linh là không hạnh phúc , bà đã không còn tình cảm vợ chồng với ông L, do vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Ngọc L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Viết T (Nam), sinh ngày 03/10/1989 và Trần Thị Ý N (nữ), sinh ngày 22/01/1993. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2019 bà Văn Thị T có yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng gồm: Thửa đất số 249, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại khu phố 04, phường PH , thành phố PT ; Thửa đất số 22 tờ bản đồ số 12, trên đất có nhà ở tại số 115, đường Hàn Mặc Tử, khu phố 04, phường PH, thành phố PT; Tuy nhiên ngày 06/11/2019 bà T đã có đơn rút nội dung yêu cầu về chia tài sản chung vợ chồng, tại phiên tòa bà T vẫn khẳng định không yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng. Bà sẽ tự giải quyết với ông Linh, nếu có tranh chấp thì sẽ khởi kiện giải quyết sau khi ly hôn.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2019 bà Văn Thị T có yêu cầu tòa án giải quyết chia khoản nợ chung của vợ chồng bà tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận là 1,3 tỷ đồng và khoản nợ chung vay của vợ chồng ông Bùi Văn T bà Văn Thị B là 500 triệu đồng tuy nhiên ngày 06/11/2019 bà T đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện , không yêu cầu Tòa án giải quyết chia nợ chung vợ chồng.

Về án phí: Bà khai sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật.

****Ý kiến của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bình Thuận***(sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đầu tư): Tại công văn số 197 ngày 18/11/2019 Ngân hàng Đầu tư đã xác định ông Trần Ngọc L và bà Văn Thị T có thể chấp nhà và đất tại số 115 đường Hàn Mặc Tử, khu phố 04, phường PH để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH chế biến hải sản M , tuy nhiên khoản vay này là nợ tốt, đủ tiêu chuẩn, khách hàng vay trả uy tín, ông L và bà T cam kết và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đã kí kết, do vậy Ngân hàng đầu tư không yêu cầu giải quyết khoản vay và tài sản thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay của bà T và ông L.

**** Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Văn T :*** tại biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2019 ông Bùi Văn T xác định vợ chồng bà T ông L có vay của vợ chồng ông số tiền 500 triệu đồng, tuy nhiên từ năm 2009 đến nay vợ chồng bà T vẫn trả tiền lãi đều cho vợ chồng ông , hiện nay vợ chồng ông vẫn chưa có yêu cầu vợ chồng bà T phải trả lại số tiền vay này , do vậy vợ chồng ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ vay này của vợ chồng bà T.

****Ý kiến Bị đơn ông Trần Ngọc L:*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2019: ông xác định vợ chồng ông bà chung sống đăng ký kết hôn từ năm 1988, quá trình chung sống

vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn, ông thừa nhận có cờ bạc gây ra nợ nần làm bà T buồn, tuy nhiên ông xác định vẫn còn tình cảm, thương yêu bà T nên không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết xem xét nguyện vọng trên vắng mặt ông.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Viết T (nam), sinh ngày 03/10/1989 và Trần Thị Ý N (nữ), sinh ngày 22/01/1993. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tòa án đã hai lần tiến hành mở phiên hòa giải nhưng không hòa giải được do vắng mặt bị đơn.*

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

[1] Việc tuân theo thủ tục tố tụng:

-Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã yêu cầu xin xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của Nguyên đơn và Bị đơn và xác minh tại địa phương nhận thấy bà Văn Thị T và ông Trần Ngọc L là vợ chồng hợp pháp, tuy nhiên vợ chồng có mâu thuẫn là do ông Linh cờ bạc, gây nợ nần, ông Linh xác định thương yêu vợ nhưng không từ bỏ việc cờ bạc, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình, bà Thoa xác định không còn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ông bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

-Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là Trần Viết T (nam), sinh ngày 03/10/1989 và Trần Thị Ý N (nữ), sinh ngày 22/01/1993. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu, đề nghị Tòa án không xét về con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Đình chỉ xét xử đối với phần tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn đã rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng:***

[1] Bị đơn ông Trần Ngọc L đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khu phố 04, phường PH, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. Do vậy việc bà Văn Thị Th kiện ly hôn ông L, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan Thiết, theo quy định tại khoản 01 điều 28, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

[2] Ông Trần Ngọc L đã được Tòa án triệu tập và giao các văn bản tố tụng trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng ông Sơn đều vắng mặt, đồng thời có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ quy định tại khoản 01 Điều 227 và khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn.

**** Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:***

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Văn Thị T và ông Trần Ngọc L là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 359, quyển số 01 năm 1988 của UBND xã P (nay là phường PH), thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn bà Văn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cùng kết quả xác minh tại địa phương nơi vợ chồng ông bà cư trú đều xác định việc ông Trần Ngọc L cờ bạc gây ra nợ nần là có thật, chính vì điều này mà hạnh phúc gia đình vợ chồng bà Thoa bị ảnh hưởng trầm trọng. Ông L xác định còn yêu thương bà T nhưng không thay đổi và từ bỏ thói quen cờ bạc. Bà T hiện nay xác định tình cảm vợ chồng đối với ông L không còn. Như vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn, bà Văn Thị T được ly hôn ông Trần Ngọc L.

[2] *Về con chung:* Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên là Trần Viết T (nam), sinh ngày 03/10/1989 và Trần Thị Ý N (nữ), sinh ngày 22/01/1993. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên cả bà T và ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, do vậy Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về tài sản chung:* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2019 bà Văn Thị T có yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên ngày 06/11/2019 và tại phiên tòa bà T đã rút nội dung yêu cầu về chia tài sản chung vợ chồng.

Xét việc rút phần yêu cầu về chia tài sản chung của Nguyên đơn bà Văn Thị T là tự nguyện, Bị đơn ông Trần Ngọc L cũng không phản tố yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 02 điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự, đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà Văn Thị T. Nếu sau này có xảy ra tranh chấp, thì bà T, ông L có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng thì có quyền khởi kiện lại và sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Bà Văn Thị T không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Về *nợ chung*: Đối với yêu cầu về nợ chung , mặc dù tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2019 bà Văn Thị T có yêu cầu tòa án giải quyết chia nợ chung vợ chồng. Tuy nhiên ngày 06/11/2019 và tại phiên tòa bà T đã rút nội dung yêu cầu về chia nợ chung vợ chồng. Xét việc rút phần yêu cầu về chia các khoản nợ chung của Nguyên đơn bà Văn Thị T là tự nguyện, Bị đơn ông Trần Ngọc L cũng không yêu cầu phản tố. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bình Thuận, ông Bùi Văn T, bà Văn Thị B cũng không có yêu cầu độc lập về giải quyết khoản nợ vay này. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 02 điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự, đình chỉ phần yêu cầu về chia nợ chung vợ chồng của bà Văn Thị T. Nếu sau này, các đương sự có tranh chấp và vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện thì có quyền khởi kiện lại và sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Bà Văn Thị T không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5]*Về án phí*: Bà Văn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, theo quy định tại khoản 04 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí 33.300.000đ, do bà Văn Thị T nộp tại biên lai 0028023 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết sẽ được khấu trừ 300.000đ cho nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình của bà T tại bản án. Hoàn trả lại cho bà Văn Thị T số tiền 33 triệu đồng tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung đã được đình chỉ xét xử tại bản án sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ: Điều 51, Điều 53, khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 02 điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

[1]*Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Văn Thị T được ly hôn với ông Trần Ngọc L;

[2]*Về con chung*: Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên là Trần Viết T (nam), sinh ngày 03/10/1989 và Trần Thị Ý N (nữ), sinh ngày 22/01/1993. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên cả bà T và ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, do vậy Hội đồng xét xử không xét.

[3]*Về tài sản chung*: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà Văn Thị T. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[4] Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về chia nợ chung vợ chồng của bà Văn Thị T. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí: Bà Văn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình; Số tiền tạm ứng án phí 33.300.000đ, do bà Văn Thị T nộp tại biên lai 0028023 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết sẽ được khấu trừ 300.000đ cho nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình của bà T tại bản án. Hoàn trả lại cho bà Văn Thị T số tiền 33 triệu đồng tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung đã được đình chỉ xét xử tại bản án sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tổng đạt bản án.

Nơi nhận :

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường Phú Hải;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Như Xuân